

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A – TỈNH GIA LAI**
Số: 01/2023/QĐST–HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
A, ngày 17 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Lê Long Sơn.
- *Thư ký phiên họp:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 118/2023/TLST-HNGĐ về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi về con chung*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 63/2022/QĐST-VDS ngày 02/8/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

- Chị Lê Thị K, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 3, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Anh Nguyễn Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 3, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn L, sinh ngày 31/12/2015; địa chỉ: Tổ 3, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Nguyễn Đình H sinh, ngày 12/01/2018; địa chỉ: Tổ 3, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo lời trình bày trong đơn yêu cầu của chị Lê Thị K và anh Nguyễn Đ nội dung như sau: Chị K và anh Đ kết hôn với nhau từ năm 2014, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Hai vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc và sinh được 02 người con là Nguyễn L, sinh ngày 31/12/2015 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 12/01/2018. Sau thời gian ngắn sống chung hạnh phúc thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất hòa.

Nay chị K và anh Đ nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cả hai làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị K nhận nuôi cháu Nguyễn L, sinh ngày 31/12/2015 và anh Đ nhận nuôi cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 12/01/2018;

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn L mỗi năm 50.000.000đ, trong thời gian 06 năm.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Chị Lê Thị K tự nguyện chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự về thuận tình ly hôn giữa chị K và anh Đ. Về con chung: Giao cho chị K nuôi cháu L, giao anh Đ nuôi cháu Lến; ghi nhận thỏa thuận tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Đ đối với cháu L theo phương thức hai bên đã thỏa thuận. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết. Về lệ phí: Chị K tự nguyện chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi liên quan và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã A nhận định:

[1] Chị Lê Thị K và anh Nguyễn Đ đều có nơi cư trú tại Tổ 3, phường B, thị xã A, Gia Lai. Chị K và anh Đ cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A công nhận thuận tình ly hôn. Đây là việc dân sự được quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b, khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

[2] Chị Lê Thị K và anh Nguyễn Đ kết hôn nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A vào ngày 13/8/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị K và anh Đ có thời gian chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn L, sinh ngày 31/12/2015 và cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 12/01/2018. Chị K và anh Đ đều thừa nhận thời gian sau vợ chồng không còn hạnh phúc, nguyên nhân do 02 người tính tình không hợp, nhiều mâu thuẫn, không thể sống chung lâu dài với nhau được nữa và cả hai đều ký đơn yêu cầu Tòa công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị K và anh Nguyễn Đ như vậy là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị K và anh Đ thỏa thuận về nuôi con như sau:

+ Giao cho chị Lê Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn L, sinh ngày 31/12/2015, cho đến khi cháu L thành niên, trưởng thành và tự lập được.

+ Giao cho anh Nguyễn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 12/01/2018, cho đến khi cháu Lến thành niên, trưởng thành và tự lập được.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L theo phương thức hàng năm, mỗi năm cấp dưỡng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), trong thời gian 06 năm, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là từ năm 2024 cho đến năm 2029.

Các thỏa thuận tại [2], [3], [4] nêu trên của chị K, anh Đ là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu L, nên được công nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K và anh Đ khai không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ; Chị K tự nguyện chịu lệ phí này. Chị K đã nộp đủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các điều 149, 157, 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Lê Thị K và anh Nguyễn Đ.

1. Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn của chị Lê Thị K và anh Nguyễn Đ.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho chị Lê Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn L, sinh ngày 31/12/2015, cho đến khi cháu L thành niên, trưởng thành và tự lập được.

- Giao cho anh Nguyễn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 12/01/2018, cho đến khi cháu Lến thành niên, trưởng thành và tự lập được.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L theo phương thức hàng năm, mỗi năm cấp dưỡng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), trong thời gian 06 năm, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là từ năm 2024 cho đến năm 2029.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị K và anh Nguyễn Đ không yêu cầu Tòa giải quyết.

5. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*); Chị K tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí này, nên được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0006753 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị K đã nộp đủ lệ phí nêu trên.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tòa án ra quyết định, người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TX A ;
- UBND phường B;
- (Đề ghi vào sổ hộ tịch, Số ĐKKH 40/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)

Lê Long Sơn